



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Logistics Vicem

Ngày 30/09/2025	12,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.9%	38.8%	34.3%

DT thuần Q3/25
70.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.40 -0.6%
YoY: ▼6.20 -8.2%

LN thuần Q3/25
5.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.68 -24.1%
YoY: ▲ 2.12 67.4%

LN sau thuế Q3/25
4.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.16 -20.8%
YoY: ▲ 1.63 58.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
7.8%
YoY: +/- ▼ 2.1%

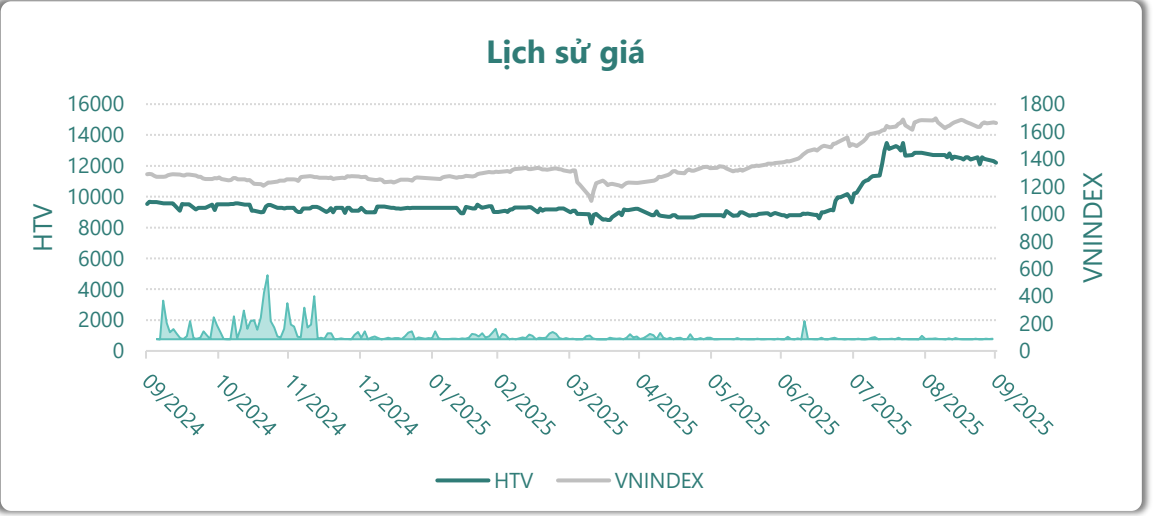
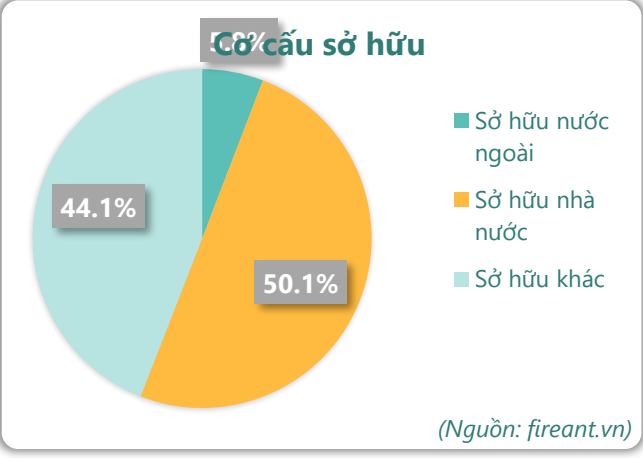
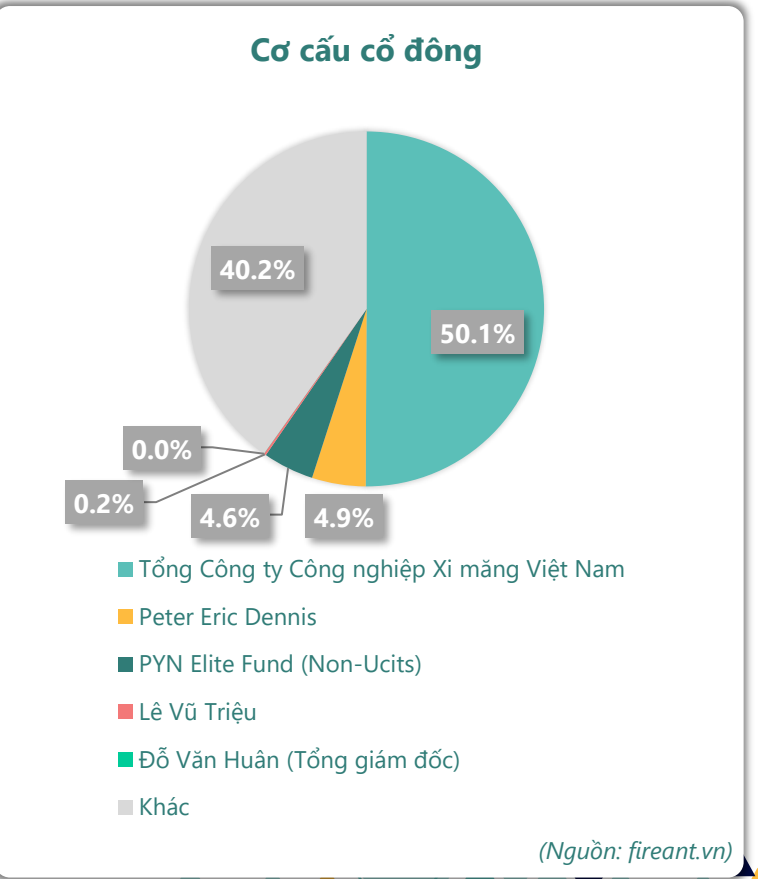
ROE (TTM) Q3/25
4.8%
YoY: +/- ▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,255 - 13,482
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,330
Sở hữu nước ngoài	5.8%
Beta	0.48
EPS	1,222
P/E	10.0

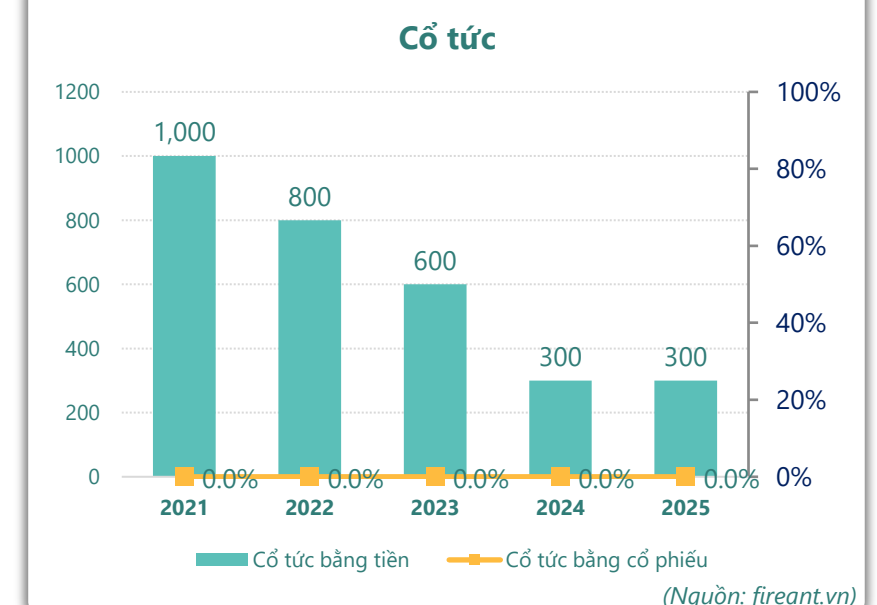
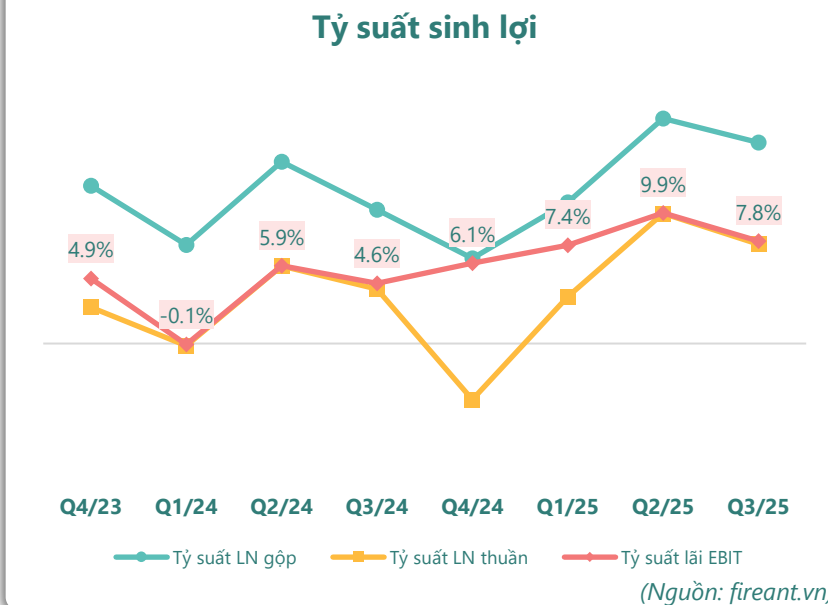
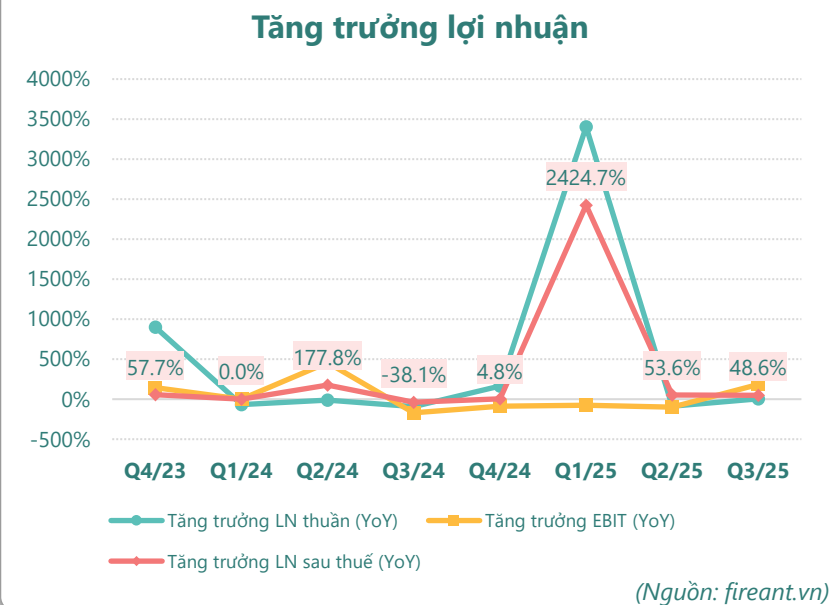
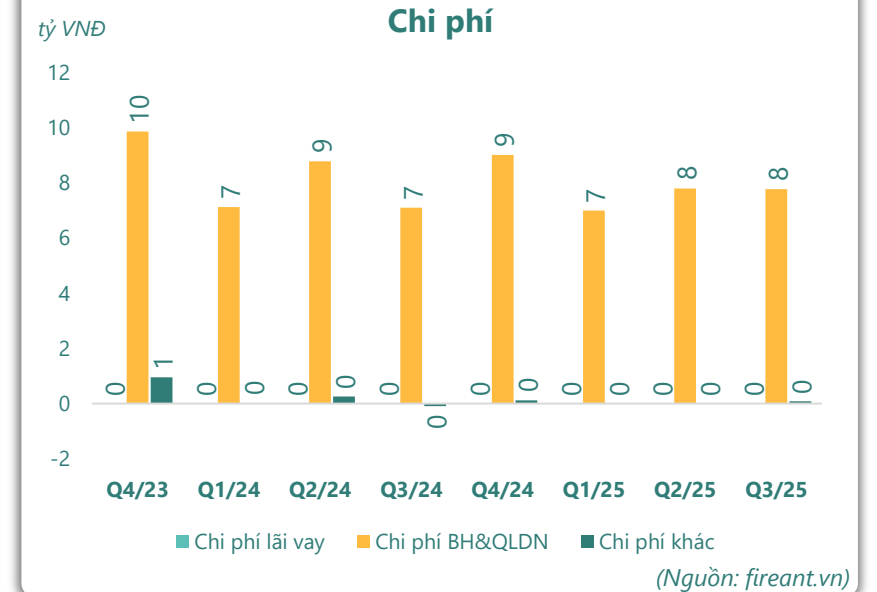
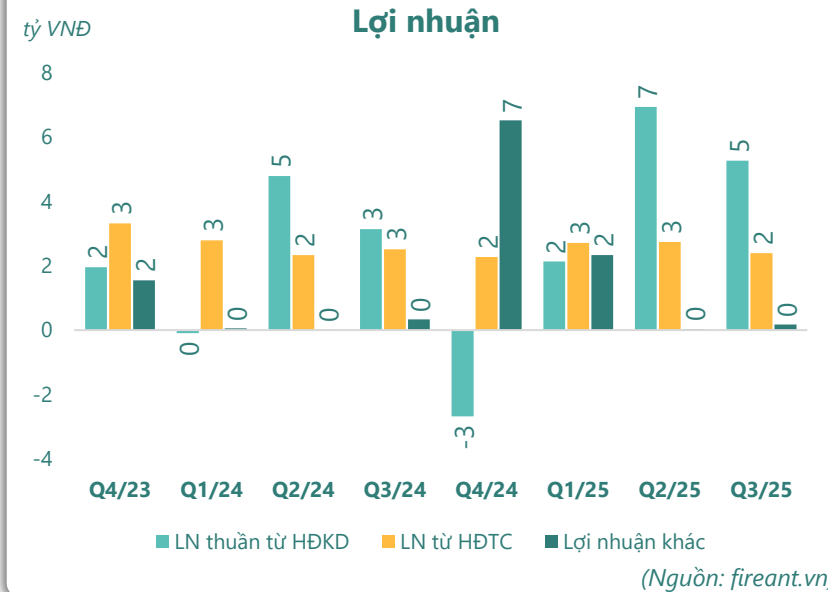
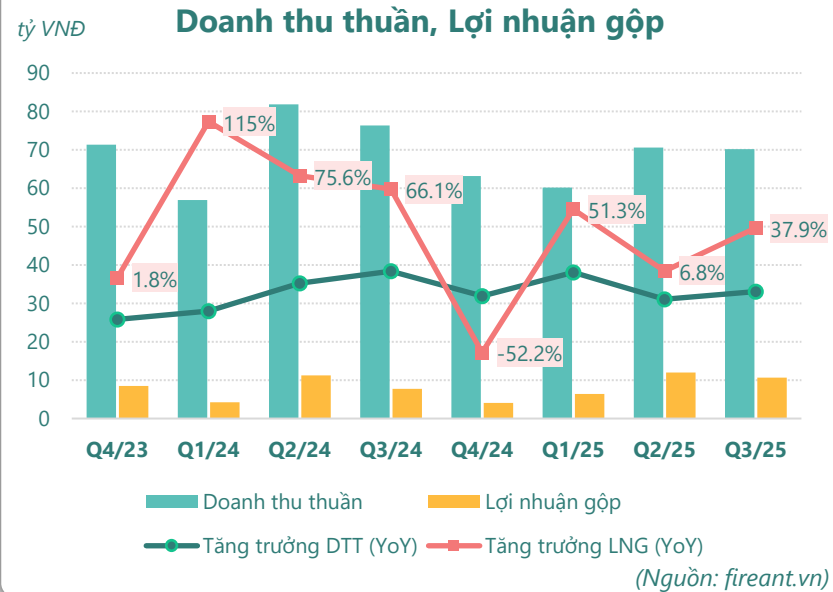
DT thuần 9T 2025
201
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0 -6.6%

LN thuần 9T 2025
14.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.55 82.8%

LN sau thuế 9T 2025
13.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 106%



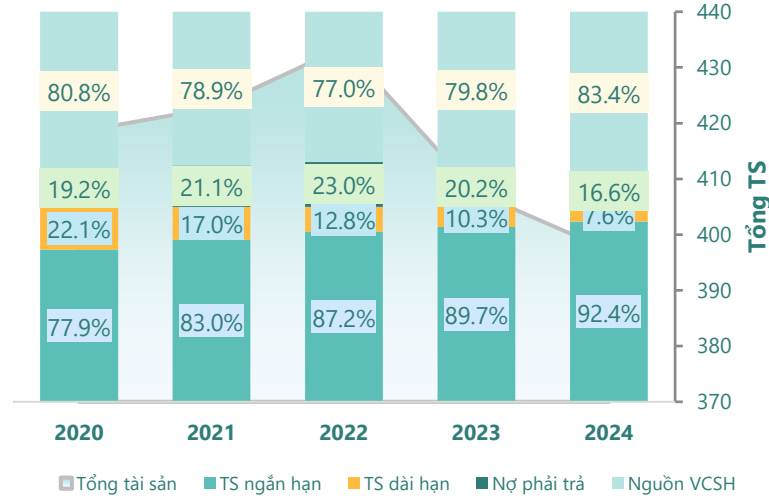
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

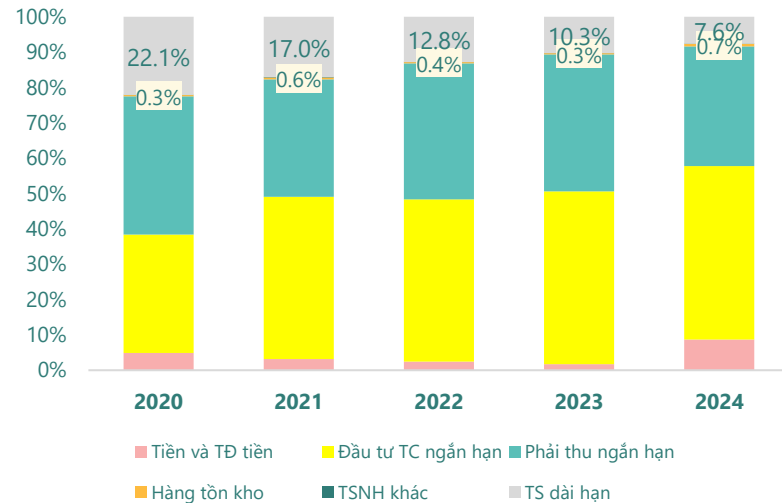
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

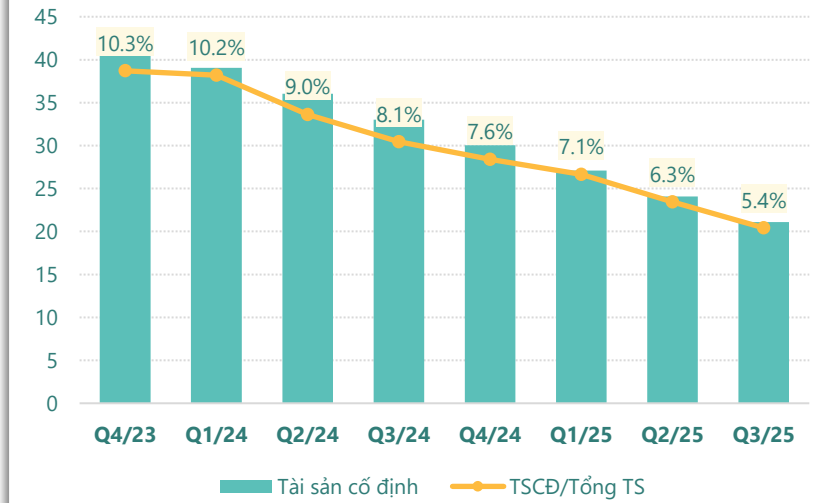
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

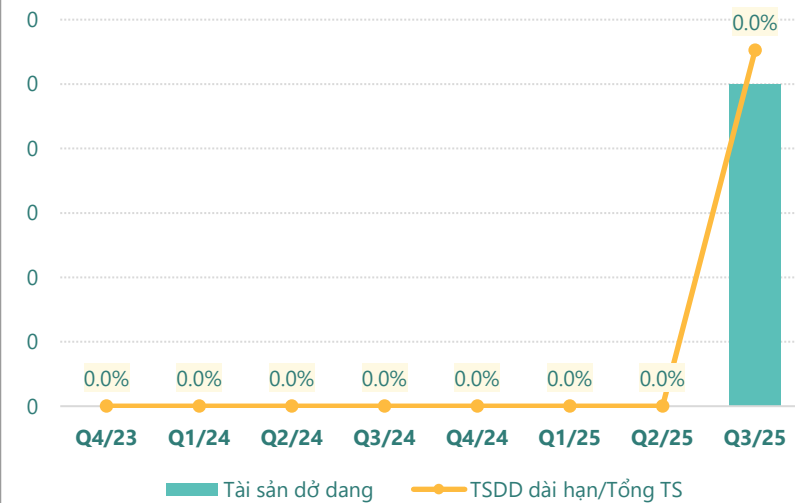
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

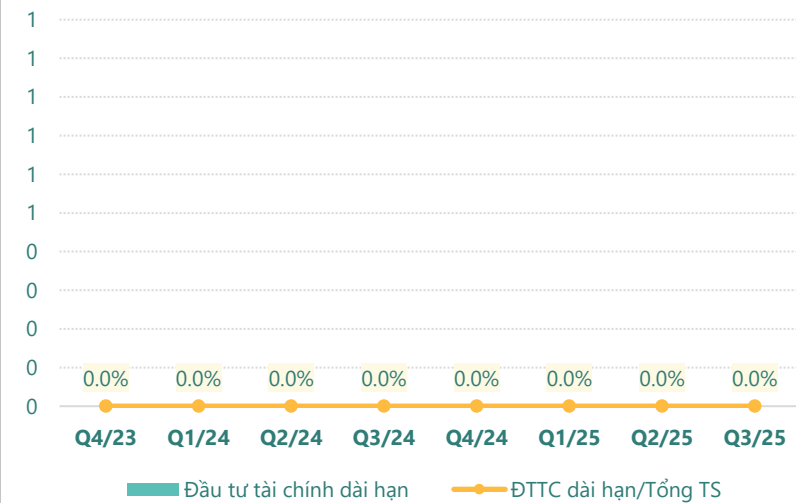
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

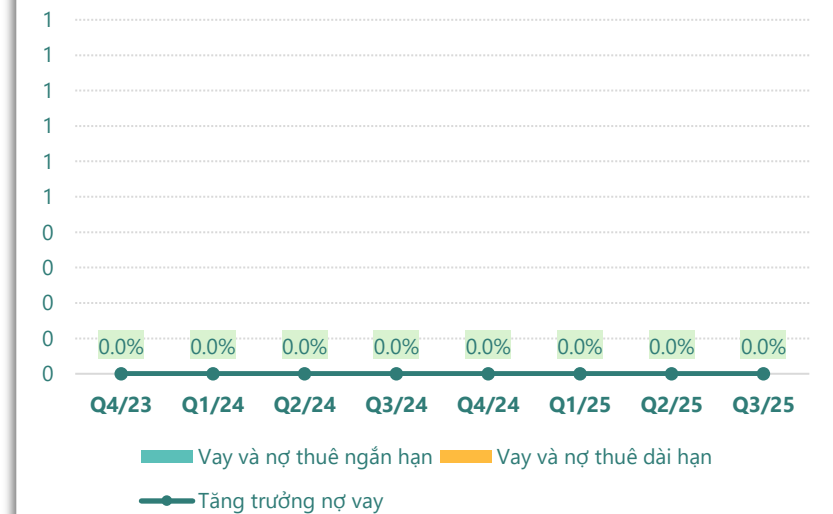
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

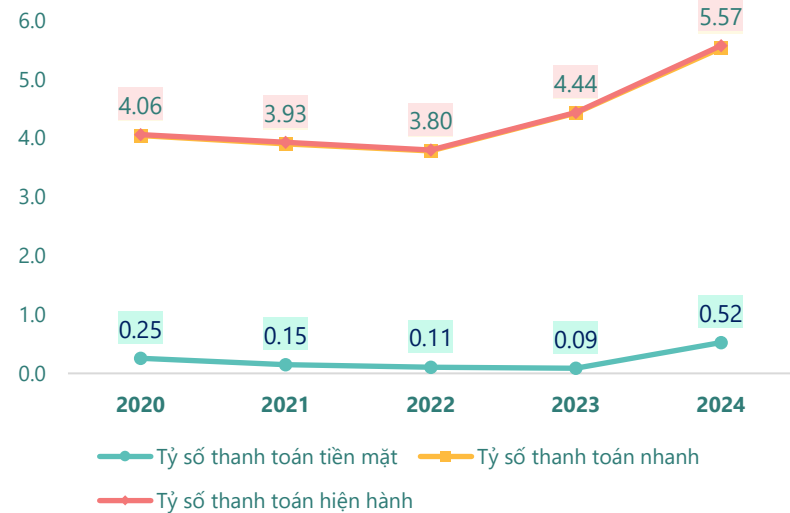
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



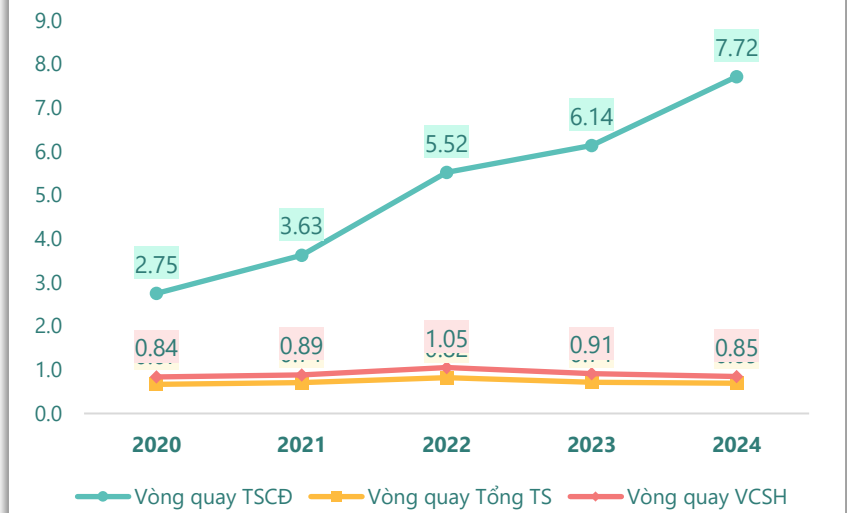
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



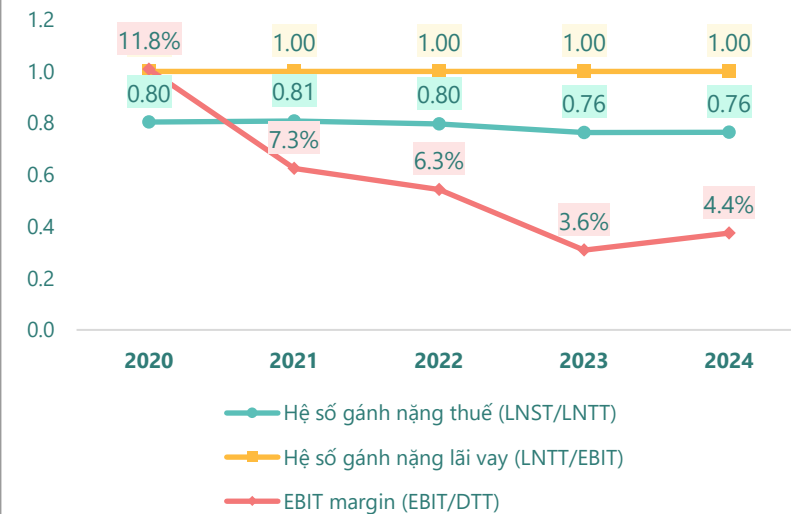
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



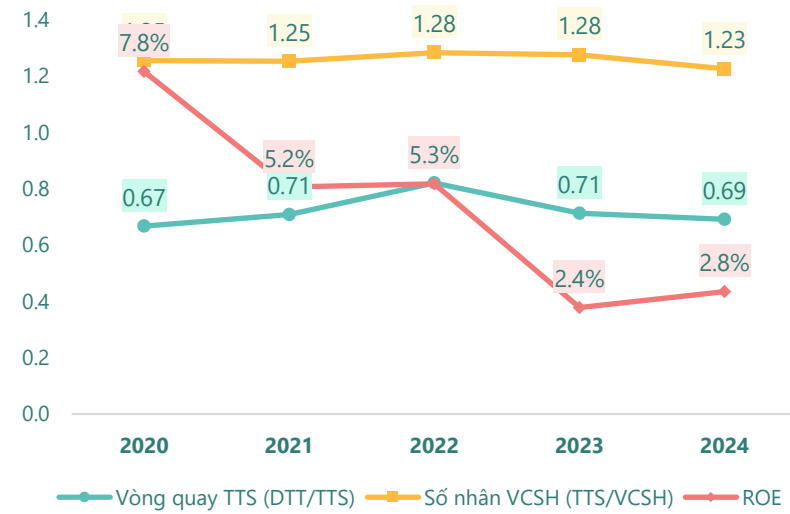
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



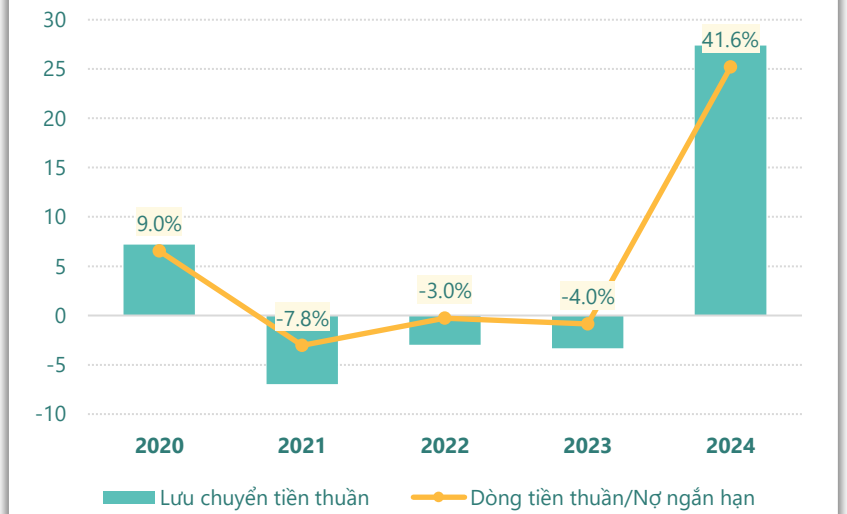
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	70.2	76.4	-8.2%	201	215	-6.6%
Giá vốn hàng bán	59.5	68.6	-13.3%	172	192	-10.4%
Lợi nhuận gộp	10.7	7.73	38.0%	29.1	23.2	25.3%
Doanh thu HĐTC	2.40	2.52	-4.9%	7.85	7.65	2.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	7.79	7.11	9.5%	22.6	23.0	-1.9%
LN thuần từ HĐKD	5.27	3.15	67.4%	14.4	7.85	82.8%
Lợi nhuận khác	0.17	0.33	-48.2%	2.54	0.39	550%
LN trước thuế	5.44	3.48	56.4%	16.9	8.24	105%
Lợi nhuận sau thuế	4.41	2.78	58.6%	13.6	6.60	106%
LNST của CĐ cty mẹ	4.31	2.70	59.8%	13.3	2.74	386%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.8	-4.74	-5.99	-5.08	18.2	9.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.87	24.7	6.37	1.13	-15.7	-5.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-3.93	6.38	0	0	-3.93
Tiền đầu kỳ	6.87	11.8	27.8	34.5	30.6	33.1
Lưu chuyển tiền thuần	4.93	16.0	6.76	-3.95	2.54	0.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.8	27.8	34.5	30.6	33.1	33.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	388	397	-2.4%
Tài sản ngắn hạn	367	367	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	33.8	34.5	-2.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	224	195	15.1%
Phải thu ngắn hạn	105	134	-21.7%
Hàng tồn kho	3.16	2.73	15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.54	-94.6%
Tài sản dài hạn	21.2	30.1	-29.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.1	30.1	-29.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.05	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.8	65.8	-21.3%
Nợ ngắn hạn	51.8	65.8	-21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	27.3	45.9	-40.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	336	331	1.4%
Vốn chủ sở hữu	336	331	1.4%
Vốn điều lệ	131	131	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

